**MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN: ĐỊA LÍ 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN**  **A. Khí quyển** | **A.1**. Khí quyển, các yếu tố hình thành khí hậu. | **Nhận biết:**  - Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp.  - Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương. | **4** | **4** |  |  |
|  | **Thông hiểu:**  - Trình bày được nguyên nhân hình thành một số loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất, gió mùa và một số loại gió địa phương.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và sự phân bố mưa trên thế giới. |
|  | **Vận dụng:**  - Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về khí áp, gió, mưa. |
| **2** | **B. Thủy quyển** | **B.1.** Thủy quyển, nước trên lục địa.  **B.2.** Nước biển và đại dương | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm thuỷ quyển.  - Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm.  - Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương.  - Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương. | **4** | **4** | **1** |  |
|  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước của sông.  - Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt.  - Giải thích được hiện tượng sóng biển và thuỷ triều. |
| **Vận dụng:**  - Phân tích được vai trò của biển và đại dương trong đời sống. |
| **Vận dụng cao:**  - Giải thích được nguyên nhân sinh ra hiện tượng sóng biển, thuỷ triều; phân bố và chuyển động của các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới. |
| **3** | **C. Sinh quyển** | **C.1** Đất trên Trái Đất.  **C.2** Sinh quyển. | **Nhận biết:**  - Biết khái niệm đất (thổ nhưỡng), lớp vỏ phong hóa, sinh quyển. | **4** | **4** |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Trình bày được vai trò của các nhân tố hình thành đất.  - Phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.  - Trình bày được quy luật phân bố của một số loại đất và thảm thực vật chính trên Trái Đất. |
| **4** | **D. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh.** | **D.1** Khái niêm, nguyên nhân, biểu hiện, ý nghĩa thực tiễn. | **Nhận biết** :  - Trình bày được khái niệm, nguyên nhân, ý nghĩa của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh.  **Thông hiểu** :  - Phân tích được biểu hiện của quy luật thông qua 2 vd trong SGK. Liên hệ được với thực tiễn tại địa phương. | **4** |  |  |  |
| **5** | **E. Kĩ năng** | **E.1** Kĩ năng sử dụng bản đồ, Atlat; làm việc với bảng số liệu và biểu đồ | - Sử dụng được bản đồ, Atlat để trình bày, giải thích các hiện tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội.  - Vẽ biểu đồ, nhận xét biểu đồ, xử lí số liệu, phân tích số liệu thống kê về địa lí tự nhiên; kinh tế - xã hội**.** |  |  |  | **1** |
| **Tổng** | | | **100** | **16TN** | **12TN** | **1TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | | | **100%** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **100%** | **70% TN** | | **30% TL** | |